TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ - ST
Ngày 23/5/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC -TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Quang Xuân .

2. Ông Phan Văn Lâm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thụy Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018/HNGĐ - ST ngày 06/3/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/05/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T - Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn L. Tr, xã H. L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn L. Tr, xã H. L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

Phiên tòa có mặt chị T và anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo lời của nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày :***

-Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và cưới có đăng ký kết hôn do Uỷ Bn nhân dân xã H. L, huyện Hậu Lộc cấp ngày 12/11/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ham chơi, sống không có trách nhiệm với gia đình. Năm 2013, sau khi cãi nhau thì anh H đánh và đuổi chị ra khỏi nhà và chị đã bế con về nhà ngoại sinh sống, anh chị ly thân hơn một năm. Đến năm 2014, anh chị trở về

đoàn tụ chung sống với nhau vì chị nghĩ rằng anh H sẽ thay đổi, nên chị muốn cứu vãn cuộc hôn nhân để con cái có một gia đình trọn vẹn. NH từ đó đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh H vẫn không thay đổi tính nết và đánh đập đuổi chị ra khỏi nhà từ tháng 9/2017, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

-*Về con chung:* Chị Bùi Thị T xác định, vợ chồng có 01 con chung, cháu đầu tên là Phạm Trọng Kh, sinh ngày 27/7/2012. Vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-*Về tài sản:* Chị Bùi Thị T xác định vợ chồng có những tài sản chung sau:

+ Một ngôi nhà diện tích 70m^2 và đất trị giá khoảng 350.000.000đ (Hiện nay sổ đỏ đang được thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hậu Lộc).

+ Một bãi nuôi ngao diện tích gần 1 hecta mà vợ chồng mua của bố mẹ chồng chị tại bãi ngang xã H. L, huyện Hậu Lộc, trị giá khoảng 350.000.000đ.

+ Một xe máy Air Blade nhãn hiệu HONDA trị giá khoảng 20.000.000đ

+ Một máy lọc nước trị giá khoảng 30.000.000đ

Trong thời gian anh chị ly thân, anh H đã tự ý mượn người xúc ngao bán được số tiền 60.000.000đ mà không có sự đồng ý của chị.

Tổng trị giá tài sản khoảng 810.000.000đ (tám trăm mười triều đồng).

-*Về công nợ:* Chị T xác định vợ chồng anh chị đang nợ những khoản sau:

+ Nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hậu Lộc 150.000.000đ.

+ Nợ của bố mẹ đẻ của chị là ông Bùi Văn B và bà Đặng Thị T1 tại thôn T. L, xã H. L, huyện Hậu Lộc số tiền 100.000.000 đ, ông bà đã cho vợ chồng số tiền 50.000.000đ, số tiền nợ còn lại 50.000.000đ.

+ Nợ của bố mẹ chồng chị là ông Phạm Văn B1 và bà Nguyễn Thị L tại thôn T. L, xã H. L, huyện Hậu Lộc số tiền 200.000.000đ. Đây là số tiền vợ chồng mua ngao của ông bà nên đứng ra chịu số tiền này cho ông bà nhà ông bà chưa sang tên hợp đồng bãi ngang cho vợ chồng chị. Nếu ông bà không sang tên cho vợ chồng chị trong thời gian giải quyết vụ án thì chị xin hoàn trả lại số diện tích bãi ngang để nhận lại tiền đặt cọc và không có trách nhiệm với số tiền nợ của ông bà.

Ngày 08/ 5/2018 chị Bùi Thị T có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản và công nợ.

Theo lời của bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:

-*Về hôn nhân:* Về điều kiện kết hôn như chị Bùi Thị T trình bày anh H thống nhất. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc kể từ đó đến nay và chưa phát sinh mâu thuẫn gì đến mức trầm trọng. Nay chị T làm đơn ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án hòa giải, động viên chị T về để vợ chồng đoàn tụ để con cái có bố có mẹ, cùng nhau phát triển kinh tế.

-*Về con chung:* Quan điểm của anh Phạm Văn H: Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về tài sản:* Quan điểm của anh Phạm Văn H: Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ:* Quan điểm của anh Phạm Văn H: Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị T vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và giải quyết về việc nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

-*Về hôn nhân:* Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn đối với anh Phạm Văn H.

-*Về con chung:* Giao cháu Phạm Trọng Kh cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

-*Về tài sản và công nợ:* Chị Bùi Thị T có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản và công nợ, nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn H là tranh chấp Hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung tranh chấp:

**Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn do Uỷ Ban nhân dân xã H. L, huyện Hậu Lộc vào ngày 12/11/2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 02 năm, trong khoảng thời gian 02 năm đó vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị T cho rằng anh H ham chơi, sống không có trách nhiệm với gia đình vợ chồng thường xảy ra xung đột, cụ thể đầu năm 2013 anh H đã đánh đuổi chị ra khỏi nhà, nên chị đã bế con về bên ngoại ở khoảng một năm (cuối năm 2014) sau đó chị quay về đoàn tụ mong muốn anh H thay đổi để vợ chồng chung sống xây dựng hạnh phúc, nhưng anh H vẫn không thay đổi mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, đến ngày 08/9/2017 anh H tiếp tục đánh đuổi chị ra khỏi nhà và chị lại phải bế con về bên ngoại ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan T1 đến ai nữa, nay chị xét thấy tình cảm không thể hàn gắn được nữa nên chị cương quyết đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H .

Quan điểm của anh H thì cuộc sống vợ chồng anh chị thi thoảng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức độ phải ly hôn, nên anh đề nghị Tòa án động viên chị T quay về đoàn tụ đề vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng chị T cho rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn khả năng hàn gắn để đoàn tụ được, mặc dù chị đã cố gắng níu kéo tình cảm với anh H để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, cụ thể đầu năm 2013 đến cuối năm 2014 do vợ chồng đã có thời gian sống ly thân sau đó chị đã cố gắng quay về động viên, thuyết phục anh H để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng không thể khắc phục được, nên tháng 9 năm 2017 vợ chồng tiếp tục xẩy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án anh H không nhất trí ly hôn, nhưng tại phiên tòa anh H trình bày là anh vẫn còn yêu vợ , thương con nH nếu chị T cố tình xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận để tạo điều kiện cho chị T đi tìm hạnh phúc mới, như vậy chứng tỏ rằng anh H cũng không tha thiết để vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T thì

cương quyết xin ly hôn anh H nên Hội đồng xét xử chấp đơn khởi kiện của chị T xin được tình ly hôn anh H, theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**Về con chung:* Chị Bùi Thị T xác định vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Phạm Trọng Kh, sinh ngày 27/7/2012.Hiện tại cháu Kh đang ở với chị T, Ly hôn chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Xét yêu cầu của chị T thấy rằng: Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh H có một con chung, đến nay cháu mới được trên 05 tuổi, từ khi sinh ra cho đến nay cháu đều ở với chị T. Mặt khác trong quá trình giải quyết anh H không có quan điểm gì về việc nuôi con chung, nhưng tại phiên Tòa anh H đề nghị nếu chị T có đủ điều kiện để đảm bảo việc nuôi cháu thì anh cũng nhất trí giao cháu Kh cho chị T nuôi dưỡng, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Phạm Trọng Kh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

**Về tài sản và công nợ:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện Ban đầu, đối với yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ chung của vợ chồng, do anh H không nhất trí ly hôn, do đó anh H không có quan điểm gì về việc giải quyết tài sản và công nợ chung cuả vợ chồng, về khoản nợ mà vợ chồng vay Ngân hàng Nông Nghiệp, đại diện Ngân hàng có quan điểm sẽ xem xét và khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác, nên HĐXX không xem xét, mà chấp nhận đơn đề nghị về việc rút yêu cầu chia tài sản và công nợ của chị T và quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản và công nợ đối với chị T và anh H. Nếu sau này chị T có yêu cầu thì dành cho chị T quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3].Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho T số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản và công nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn H.

-***Về hôn nhân***: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

-***Về con chung***: Giao cháu Phạm Trọng Kh, sinh ngày 27/7/2012, cho chị T được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng . Hiện tại chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cấm.

-***Về tài sản và công nợ***: Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung của chị Bùi Thị T.

***Về án phí:** Buộc chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 11.075.000đ tạm ứng án phí mà chị T đã nộp, trả lại cho chị T 10.775.000đ theo Biên lai thu số AA/2017/0002919 ngày 06 tháng 3 năm 2018. Của chị cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí LHST.

***Về quyền kháng cáo, kháng nhị:** Án xử công khai có mặt Bùi Thị T và anh Phạm Văn H. Báo cho chị T và anh H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS H. Hậu Lộc;
- UBND xã H. L, huyện Hậu Lộc;
- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Chuyên